

Bản án số: 21/2017/HNGĐ-ST.

Ngày: 18/12/2017.

“V/v Ly hôn giữa chị H và anh H1”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Cảnh.
2. Bà Tân Thị Thiều.

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tố Uyên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kbang.

Trong ngày 18/12/2017, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2017/TLST-HNGĐ ngày 02/10/2017 về tranh chấp: *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2017/QĐST-HNGĐ ngày 30/10/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2017/QĐST-HNGĐ ngày 28/11/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Hồng H, sinh năm 1994;
 2. Bị đơn: Anh Nguyễn Phi H1, sinh năm 1991;
- Cùng địa chỉ: Thôn 7, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Chị H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H1 lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị Hồng H trình bày:*

Chị H và anh H1 qua thời gian quen biết, tìm hiểu đã tự nguyện đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn (ĐKKH) tại UBND xã Đ vào ngày 24/4/2012. Quá trình chung sống, vợ chồng chị H phúc được thời gian đầu thì sau đó thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H1 tính tình cộc cằn, không tôn trọng và coi thường chị. Anh H1 không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu về rồi đánh đập chị, chị cảm thấy trong cuộc sống vợ chồng nhiều lúc anh H1 làm cho chị cảm thấy không được tin tưởng. Chị và anh H1 đã sống ly thân, không còn ở với nhau được 02

năm. Nay chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh H1 được ly hôn với nhau.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 26/6/2012 và Nguyễn Phi N, sinh ngày 30/10/2013. Do cháu N hiện đang ở với chị, cháu T đang ở với anh H1 và các cháu đã quen với môi trường sống nên sau khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và giao cháu T cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành, có khả năng lao động. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai đề ngày 04/10/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Phi H1 trình bày:*

Anh chị qua thời gian quen biết, tìm hiểu đã tự nguyện đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai vào năm 2012. Anh thừa nhận là quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh một số mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính tình nhau, khác nhau về quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau nhưng anh thấy chưa đến mức trầm trọng, anh cần có thời gian suy nghĩ nên anh không đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 26/6/2012 và Nguyễn Phi N, sinh ngày 30/10/2013. Anh chị đã sống ly thân với nhau được 02 năm và hiện cháu N đang ở với chị H và cháu T đang ở với anh. Trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung cho đến khi trưởng thành và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên hòa giải ngày 30/10/2017, phiên tòa mở vào ngày 28/11/2017 và tại phiên tòa hôm nay, anh H1 đều vắng mặt không có lý do nên không trình bày được quan điểm của mình. Đối với chị H, trong đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và quan điểm của mình trong quá trình giải quyết vụ án. Vì vậy, HĐXX căn cứ quy định tại các Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt chị H và anh H1.

** Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:*

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm: 01 trích lục kết hôn mang tên Bùi Thị Hồng H và Nguyễn Phi H1 (*bản sao*); 01 Giấy CMND mang tên Bùi Thị Hồng H (*bản sao*); 02 trích lục khai sinh mang tên Nguyễn Phi N và Nguyễn Thị Thanh T (*bản sao*).

** Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:* Chị H và anh H1 tự nguyện tiến tới hôn nhân, có ĐKKH tại UBND xã Đ vào năm 2012; anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thị Thanh T và Nguyễn Phi N. Điều này được thể hiện qua chứng cứ do chị H giao nộp là 01 trích lục kết hôn mang tên Bùi Thị Hồng H và Nguyễn Phi H1 (*bản*

sao) và 02 trích lục khai sinh mang tên Nguyễn Thị Thanh T và Nguyễn Phi N (bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân gia đình như vậy là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau, giữa anh chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính tình nhau, khác nhau về quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Cả anh H1 và chị H đều trình bày là anh chị đã sống ly thân với nhau được 02 năm, điều đó thể hiện tình cảm vợ chồng đã phai nhạt và việc chị H trình bày mâu thuẫn vợ chồng khiến cho cuộc sống hôn nhân căng thẳng, không có H phúc dẫn đến tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được là có căn cứ. Như vậy, xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh H1 đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần căn cứ quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh H1 là phù hợp.

[2] Về con chung: Chị H và anh H1 có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 26/6/2012 và Nguyễn Phi N, sinh ngày 30/10/2013. Chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu N và giao cháu T cho anh H1 nuôi dưỡng. Anh H1 lại có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con chung. Xét yêu cầu nuôi con của chị H và anh H1 là chính đáng. Do các cháu đều còn nhỏ, cháu N đang ở với chị H và cháu T đang ở với anh H1, các cháu đã quen với môi trường sống nên HĐXX xét thấy yêu cầu của chị H là hợp tình, hợp lý nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh H1 không có tài sản chung và nợ chung nên cùng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị Hồng H phải chịu theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật HN&GD năm 2014;
- Căn cứ các Điều 144, 147, 227, 228 và 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 9, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/216/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Hồng H, xử cho chị H được ly hôn với anh Nguyễn Phi H1.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 26/6/2012 cho anh H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng và giao con chung Nguyễn Phi N, sinh ngày 30/10/2013 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, có khả năng lao động. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con vẫn có quyền đến thăm nom con, người trực tiếp nuôi con không được cản trở nếu họ không lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Hai đương sự đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí LH-ST: Chị H phải chịu là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0007120 ngày 02/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang, chị H đã nộp đủ án phí LH-ST.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định anh H1, chị H có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Kbang;
- THADS Kbang;
- Các đương sự;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Lưu HSVA,VPTA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Phương

Nơi nhận:

-TA tỉnh;

TÒA

-VKS KBang;

-THA KBang;

-Các đương sự;

-Lưu HS vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN**

Lê Văn Nguyên

